

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Diệu
2. Ông Trương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 378/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về vụ “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Yến T, sinh năm 1981

Bị đơn: ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1979

Cùng nơi ĐKKHTT: Khóm 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Trà Ốp, xã Tân Bình, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Yến T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn S do quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 07/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, sự việc kéo dài cho đến nay không khác phục được mặc dù bà và ông S

vẫn sống chung nhưng không nói chuyện với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn S.

Về con chung: Bà và ông S có một người con chung tên là Nguyễn Trường D, sinh ngày 03/3/2011, hiện sống chung với ông bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chưa yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2024, cháu Nguyễn Trường D trình bày: Cháu là con ruột ông Nguyễn Tấn S và bà Huỳnh Thị Yến T. Cháu mong muốn được sống chung với cả cha và mẹ. Nếu cha mẹ không thể sống chung với nhau được nữa thì cháu muốn được sống chung với mẹ là Huỳnh Thị Yến T.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Càng Long tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Tấn S biết nhưng ông S vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có mặt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung: Xét nguyên nhân mâu thuẫn thì thấy rằng ông S không có vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân không đạt được mục đích, từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông S chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó cần tạo điều kiện cho bà T và ông S cơ hội để hàn gắn cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc cùng nuôi dưỡng con chung đảm bảo cho con được phát triển mọi mặt của cuộc sống. Do đó, V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Yến T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn S.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Huỳnh Thị Yến T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với ông Nguyễn Tấn S có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Tấn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Yến T và ông Nguyễn Tấn S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 07 tháng 7 năm 2011. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của bà T, ông S là hợp pháp.

[4]. Sau khi kết hôn, bà T và ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T khai nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn nên bà muốn xin ly hôn ông S nhưng bà T chỉ trình bày chung chung, không đưa ra được chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, khi nộp đơn khởi kiện đến Tòa án vào ngày 18 tháng 10 năm 2023 thì bà tự bỏ đi nơi khác sống, ông S vẫn ở tại nhà chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh đối với bà Huỳnh Thị H là cô ruột bà T cung cấp vợ chồng bà Trinh T, ông S sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, ông S là người có tính tình tốt, lo làm ăn, rất quan tâm gia đình, không tham gia vào các tệ nạn xã hội. Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cũng xác định, quá trình chung sống giữa bà T, ông Sasul2wszaQng không xảy ra mâu thuẫn gì. Từ đó xét thấy, ông S không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mâu thuẫn giữa bà T, ông S chưa đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, vẫn có khả năng hòa giải, khắc phục và hàn gắn cuộc sống hôn nhân nếu có thời gian để vợ chồng quan tâm nhau nhau hơn. Ngoài ra con chung của bà T, ông S đang trong độ tuổi vị thành niên 13 tuổi, độ tuổi rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách sau này nên đây là giai đoạn con rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ cả cha và mẹ. Hơn nữa cháu D cũng mong muốn được sống chung với cả cha và mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 3, khoản 1 Điều 9, 19, khoản 1 Điều 51, khoản Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Yến T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn S.

[5]. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T nên các quan hệ pháp luật khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung Tòa không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, khoản 1 Điều 9, 19, khoản 1 Điều 51, khoản Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Yến T đối với ông Nguyễn Tấn S.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Yến T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017828 ngày 18 tháng 10 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND thị trấn Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang